TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2025
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bút.

2. Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ lách tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiến N,** sinh năm: 1988; địa chỉ: 1 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V,** sinh năm: 1992; địa chỉ: 1 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 11/01/2012. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm

được tiếng nói chung. Ông và bà V đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 1 năm mà không hàn gắn được. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 2 người con chung tên Nguyễn Thuyên N1, sinh ngày: 26/12/2011 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 04/01/2019, hiện hai người con đang sống chung với ông N. Sau khi ly hôn, ông N yêu cầu được quyền nuôi 02 người con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N xác định không có.

** Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày*: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Tiến N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 2 người con chung tên Nguyễn Thuyên N1, sinh ngày: 26/12/2011 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 04/01/2019, hiện hai người con đang sống chung với ông N. Sau khi ly hôn, bà V đồng ý để ông N được quyền nuôi 02 người con chung, bà V không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tiến N đối với bà Nguyễn Thị V. Ghi nhận ông N, bà V không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Thuyên N1, sinh ngày: 26/12/2011 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 04/01/2019, hiện đang sống chung với ông N, cháu N1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông N. Sau ly hôn ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng; bà V cũng đồng ý với yêu cầu được nuôi con của ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của ông Nguyễn Tiến N. Ghi nhận ông N không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Ông N, bà V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Ông N, bà V khai không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V đều có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời ông N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào các Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 11/01/2012 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo ông N, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện ông và bà N đã sống ly thân với nhau cách nay khoảng 1 năm. Ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà V.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V thực tế là có xảy ra và giữa hai đã có có thời gian sống ly thân với nhau khoảng 01 năm, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho bà V đến tham gia hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà V không đến và có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông N. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà V là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ông N, bà V không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, ông N và bà V có 02 người con chung tên Nguyễn Thuyên N1, sinh ngày: 26/12/2011 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 04/01/2019. Sau khi ly hôn, ông N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung nêu trên. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của ông N là chính đáng, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, ông N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai người con chung, cháu Nguyễn Thuyên N1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông N, đồng

thời tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 24/12/2024 thể hiện ông N có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung. Vì vậy việc giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận. Ghi nhận ông N không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông N và bà V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Nợ chung: Ông N và bà V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tiến N đối với bà Nguyễn Thị V. Ông Nguyễn Tiến N được ly hôn với bà Nguyễn Thị V. Ghi nhận ông N, bà V không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tiến N được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung tên Nguyễn Thuyên N1, sinh ngày: 26/12/2011 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 04/01/2019. Ghi nhận ông Nguyễn Tiến N không yêu cầu bà Nguyễn Thị V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của ông N, bà V hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/. Về nợ chung: Ông Nguyễn Tiến N và bà Nguyễn Thị V xác định không có nên không xem xét.

5/. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005795 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Tiến N đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện C;*
- *UBND xã V;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm